TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **101**/2025/QĐST-HNGĐ	*K, ngày 20 tháng 03 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 68/2025/TLST–HNGĐ ngày 03/03/2025 của Tòa án nhân dân huyện K, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị L Q T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số X tòa Y, KĐT Q, xã Đ, huyện K, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh L T V, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số X tòa Y, KĐT Q, xã Đ, huyện K, thành phố Hà Nội.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 03 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 03 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L Q T và anh L T V.

2. Công nhận sự thoả thuận của chị L Q T và anh L T V cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Chị L Q T và anh L T V xác nhận có 01 con chung là L K L, sinh ngày 28/11/2020.

Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao cho chị T trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Ghi nhận việc anh V tự nguyện cấp dưỡng 2.500.000đ/ tháng kể từ tháng 3/2025 cho chị T để nuôi con chung cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.

Anh V có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng: Chị L Q T và anh L T V tự thỏa thuận và không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về tài sản chung vợ chồng.

2.3. Về nợ chung vợ chồng (vay nợ và cho vay nợ): Chị L Q T và anh L T V xác nhận vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Toà án giải quyết về nợ chung của vợ chồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận việc chị T tự nguyện chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0065823 ngày 03/03/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K nay chuyển thành án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND p. P, q. P, Hà Nội (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2019, ngày 02/05/2019);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Viết Tuấn